

Kim Quang Minh Sám Trai Thiên Nghi Lễ

金 光 明 懲 齋 天 法 儀



Tán
讚

Như ngọc giao thiên, hạt sương sa.

瑤 天 玉 露 。

yáo tiān yù lù

Rải khắp đại thiên, sen trắng xoa

大 干 沙 界 灑 芬 陀 。

dà gàn shā jiè sǎ fēn tuó.

Tam muội rửa sạch hết trần a.

三 昧 淌 塵 痾 。

sān mèi dí chén kē

Thanh tịnh cả sơn hà.

一 滴 淨 山 河 。

yī dī jìng shān hé

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lạy)

南 無 清 涼 地 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱, 三拜)

ná mó qīng liáng di pú sà mó hé sà (3x)

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3x)

南 無 大 悲 觀 世 音 菩 薩 (三稱)

ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà (3x)

• 法主唸 Pháp chủ niệm

Đầu cành dương liễu vương cam lồ.

菩 薩 柳 頭 甘 露 水

pú sà liǔ tóu gān lù shuǐ

Bao nhiêu phiền lụy tiêu tan hết

腥 瘣 垢 穢 盡 獄 除

xīng shān gòu huì jǐn juān chú

Biển giác lăn tăn gợn kim ba.

覺 海 金 波 。

jué hǎi jīn bō

Một giọt biển hằng sa

少 水 成 多 。

shǎo shuǐ chéng duō

Một giọt mưới phuơng rưới cũng đầy

能 令 一 滴 遍 十 方

néng lìng yī dī biàn shí fang

Đàn tràng thanh tịnh ở ngay đây

令 此 壇 場 悉 清 淨

lìng cǐ tán chǎng xī qīng jìng

Giáo hữu mật ngôn cẩn đương trì tụng: (đại chúng cùng tụng chú Đại Bi)

教有真言謹當持誦 (持大悲咒)

jiào yǒu zhen yán jǐn dāng chí sòng

Chú Đại Bi

大悲咒

Nam mô Cam Lộ Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南無甘露王菩薩摩訶薩 (三稱首者舉) (三拜)

ná mó gān lù wáng pú sà mó hē sà (3x)

Nhất thiết cung kính

一切恭敬 (首者鳴聲眾上香, 執爐, 作梵, 羣和)

yī qiè gōng jìng

Nhất tâm đảnh lễ thập phương thường trụ Phật (1 lạy)

一心頂禮十方常住佛 (一拜)

yī xīn dǐng lǐ shí fāng cháng zhù fó

Nhất tâm đảnh lễ thập phương thường trụ Pháp (1 lạy)

一心頂禮十方常住法 (一拜)

yī xīn dǐng lǐ shí fāng cháng zhù fǎ

Nhất tâm đảnh lễ thập phương thường trú Tăng (1 lạy)

一心頂禮十方常住僧 (一拜)

yī xīn dǐng lǐ shí fāng cháng zhù sēng

Cung thỉnh đại chúng, tất cả đồng quỳ, tay cầm hương hoa, như pháp cúng dường.

是諸眾等各各胡跪。嚴持香花。如法供養。

shì zhū zhòng děng gè gè hú guì. yán chí xiāng huā. Rú fǎ gong yǎng.

Nguyện thử hương hoa

Biến mãn thập phương giới

願此香花雲。

遍滿十方界。

yuan cǐ xiāng huā yún,

biàn mǎn shí fāng jiè.

Cúng dường nhất thiết Phật

Tôn Pháp chư Bồ Tát

供養一切佛。

gòng yang yī qiè fo,

Thanh Văn Duyên Giác chúng

聲聞緣覺眾。

shēng wén yuan jué zhòng.

Thọ dụng tác Phật sự

受用作佛事。

shòu yong zuò fó shì.

尊法諸菩薩。

zūn fǎ zhū pú sà.

Cập nhất thiết Thiên Tiên

及一切天仙。

jí yī qiè tiān xiān.

Cúng dường dĩ nhất thiết cung kính. (1 lạy)

供養已一切恭敬(拜起)

gong yǎng yǐ yī qiè gōng jìng



Phụng Thỉnh Tam Bảo Chư Thiên

奉請三寶諸天

- Chỉ riêng pháp chủ tay cầm “thủ lư”

只法主拿手爐

- 引磬十鐘

- 慢唸，一字一拍

Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Bổn Sư Thích Ca Văn Phật, Đông phương A Súc

一 心 奉 請。南 無 本 師 釋 迦 文 佛。東 方 阿 閻

yī xīn fèng qǐng, ná mó běn shī shì jiā wén fó, dōng fāng ā chún

Phật, Nam phương Bảo Tướng Phật, Tây phương Vô Lượng Thọ Phật, Bắc phương Vi

佛。南方寶相佛。西方無量壽佛。北方微妙

fó, nán fāng bǎo xiāng fó, xī fāng wú liàng shòu fó, běi fāng wei miào

Diệu Thanh Phật, Bảo Hoa Lưu Ly Phật, Bảo Thắng Phật đẳng, tận Kim Quang Minh hội

聲佛。寶華琉璃佛。寶勝佛等。盡金光明會

shēng fó, bǎo huá liú lí fó, bǎo shèng fó děng, jìn jīn guāng míng huì

trung, cập mươi phương ba đời hết thảy chư Phật. (3x)

中。及 十 方 三 世 一 切 諸 佛。(三遍) (九鐘十五鼓)

zhōng, jí shí fāng sān shì yī qiè zhū fó. (3x)

(thỉnh 3 lần, mỗi lần đều 1 lạy, trừ lần thứ 3 niệm tiếp phía dưới) (已上三請畢起身禮拜 已下三請者只站立)

Duy nguyện bất di bốn tế, bình đẳng từ huân, lai giáng đạo tràng,

唯願不移本際, 平等慈薰, 來降道場,

wéi yuan bù yí běn jì, píng děng cí xūn, lái jiàng dào chǎng,

thọ ngã cúng dường. (1 lạy)

受 我 供 養。(一拜) (九鐘十五鼓)

shòu wǒ gōng yǎng.

Khể thủ quy y Phật. Phật tại Kỳ Cô viên. Kỳ Cô viên thuyết Pháp.

稽 首 牂 依 佛。佛 在 紿 孤 園。給 孤 園 說 法。

qǐ shǒu guī yī fó fó zài jí gū yuan ji gū yuan shuō fǎ

Thuyết Pháp lợi nhân thiên.

說 法 利 人 天。



shuō fǎ lì rén tiān

Nam mô Chân Như Phật Đà Dạ

南無真如佛陀耶

ná mó zhēn rú fó tuó yé

Nam mô Phật Bảo Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát (1x, 1 lạy)

南無佛寶尊菩薩摩訶薩 (一遍, 一拜)

ná mó fó bǎo zūn pú sà mó hé sà



Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh,

一 心 奉 請。南 無 大 乘 金 光 明 最 勝 王 經。

yī xīn fèng qǐng, ná mó dà chéng jīn guāng míng zuì shēng wáng jīng,

thập phương tam thế nhất thiết mười hai bộ kinh. (3x)

十 方 三 世 一 切 十 二 部 經。(三遍) (九鐘十五鼓)

shí fāng sān shì yī qiè shí èr bù jīng.

(thỉnh lần thứ 1 và 2 xong, lạy. Lần thứ 3 niệm tiếp phía dưới) (已上三請畢起身禮拜 已下三請者只站立)

Duy nguyện võ khai mật tạng, phổ diệu quang minh, hiển hiện đạo tràng,

唯 願 豢 開 秘 藏, 普 耀 光 明, 顯 現 道 場,

wéi yuan huō kāi mì zàng, pǔ yào guāng míng, xiǎn xiàn dào chǎng,

thọ ngã cúng dường. (1 lạy)

受 我 供 養。(一拜) (九鐘十五鼓)

shòu wǒ gōng yǎng.

Khể thủ quy y Pháp. Pháp bảo trấn long cung. Long cung tịnh hải tạng.

稽 首 叛 依 法。法 寶 鎮 龍 宮。龍 宮 並 海 藏。

qǐ shǒu guī yī fǎ, fǎ bǎo zhèn lóng gōng, lóng gōng bìng hǎi zàng,

Hải tạng diễn Tam Thừa.

海 藏 演 三 乘。

hǎi zàng yǎn sān chéng.

Nam mô Hải Tạng Đạt Ma Dạ

南 無 海 藏 達 摩 耶。

ná mó hǎi zàng dá mó yé

Nam mô Pháp Bảo Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát (1x, 1 lạy)

南 無 法 寶 尊 菩 薩 摩 訶 薩 (一遍, 一拜)

ná mó fǎ bǎo zūn pú sà mó hé sà



Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Tín Tướng Bồ-tát, Kim Quang Minh Bồ Tát, Kim Tạng
 一 心 奉 請。南 無 信 相 菩 薩。金 光 明 菩 薩。金
 藏

yī xīn fèng qǐng, ná mó xìng xiāng pú sà, jīn guāng míng pú sà, jīn zàng

Bồ Tát, Thường Bi Pháp Thượng Tận Kim Quang Minh hội trung, cập thập phuong tam
 菩 薩。常 悲 法 上 盡 金 光 明 會 中。及 十 方 三 世
 pú sà, cháng bēi fǎ shàng jìn jīn guāng míng huì zhōng, jí shí fāng sān shì
 thế nhất thiết Bồ-tát, Thanh-văn, Duyên-giác, Hiền Thánh Tăng. (3x)

一 切 菩 薩。聲 聞 緣 覺。賢 聖 僧。 (三遍) (九鐘十五鼓)

yī qiè pú sà, shēng wén yuan jué, xián shèng sēng.

(thỉnh lần thứ 1 và 2 xong, lạy. Lần thứ 3 niệm tiếp phía dưới) (已上三請畢起身禮拜 已下三請者只站立)

Duy nguyện đồng vân Thánh từ, phổ nghiệp quần sanh, lai giáng đạo tràng,

唯 願 同 運 聖 慈, 普 攝 群 生, 來 降 道 場,

wéi yuàn tóng yùn shèng cí, pǔ shè qún sheng, lái jiàng dào chǎng,

thọ ngã cúng dường. (1 lạy)

受 我 供 養。 (一拜) (九鐘十五鼓)

shòu wǒ gōng yǎng.

Khể thủ quy y Tăng. Tăng tâm tự thủy thanh. Thủy thanh thu Nguyệt hiện.

稽 首 叱 依 僧。僧 心 似 水 清。水 清 秋 月 現。

qǐ shǒu guī yī sēng, sēng xīn sì shuǐ qīng, shuǐ qīng qiū yuè xiàn,

Nguyệt hiện nhất luân minh.

Nam mô Phuorc Điền Tăng Già Dạ

月 現 一 輪 明。

南 無 福 田 僧 伽 耶

yuè xiàn yī lún míng.

ná mó fú tián sēng jiā yé

Nam mô Tăng Bảo Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát (1x, 1 lạy)

南無僧寶尊 huā qǐng 菩薩摩訶薩 (一遍, 一拜)

ná mó sēng bǎo zūn pú sà mó hē sà

Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Đại Ca Diếp Ba Tôn Giả, Xá Lợi Phất Tôn Giả,

一 心 奉 請。南 無 大 迦 葉 波 尊 者。舍 利 弗 尊

yī xīn fèng qǐng, ná mó dà jiā shè bō zūn zhě, shè lì fú zūn

Tu Bồ Đề Tôn Giả, A Nan Đà Tôn Giả, thập phương vô lượng Thanh Văn

者。須 菩 提 尊 者。阿 難 陀 尊 者。十 方 無 量 聲

zhě, xū pú tí zūn zhě, a nán tuó zūn zhě, shí fāng wú liàng shēng

Duyên Giác, cập truyền tông diễn giáo, lịch đại Tổ Sư Thánh Chúng. (3x)

聞 缘 覺。及 傳 宗 演 教。歷 代 祖 師 聖 眇。 (三遍)

wén yuán jué, jí chuán zōng yǎn jiào, lì dài zǔ shī shèng zhòng.

(thỉnh lần thứ 1 và 2 xong, lạy. Lần thứ 3 niệm tiếp phía dưới) (已上三請畢起身禮拜 已下三請者只站立)

Duy nguyện đồng vân Thánh từ, phổ nhiếp quần sanh, lai giáng đạo tràng,

唯 願 同 運 聖 慈， 普 摄 群 生， 來 降 道 場，

wéi yuàn tóng yùn shèng cí, pǔ shè qún sheng, lái jiàng dào chǎng,

thọ ngã cúng dường. (1 lạy)

受 我 供 養。 (一拜) (九鐘十五鼓)

shòu wǒ gōng yǎng.

Khể thủ quy y Tăng. Tam minh tịnh lục thông. Linh Sơn thân thọ ký.

稽 首 叱 依 僧。三 明 並 六 通。靈 山 親 授 記。

qǐ shǒu guī yī sēng sān míng bìng liù tōng. Líng shān qīn shòu jì.

Duy nguyện giáng lai lâm. Đặng Đặng Tứ quả Tăng Già Gia

惟 願 降 來 臨。蕩 蕩 四 果 僧 伽 耶。

wéi yuan jiàng lái lín. Dàng dàng sì guǒ sēng jiā yé.

Nam mô Hiền Thánh Tăng Bồ Tát Ma Ha Tát (1x, 1 lạy)

南 無 賢 聖 僧 菩 薩 摩 訶 薩 (一遍, 一拜) (九鐘十五鼓)

ná mó xián sheng sēng pú sà mó hē sà

Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Ta Ba Giới Chủ, Hiệu Lệnh Độc Tôn, Đại Phạm Thiên

一 心 奉 請。南 無 婆 婆 界 主。號 令 獨 尊 大 梵

天

yī xīn fèng qǐng, ná mó suō pó jiè zhǔ, hào lìng dù zūn dà fàn tiān

Vương Tôn Thiên, Địa Cư Thế Chủ, Dao Lợi Xưng Vương - Đế Thích Tôn Thiên,

王 尊 天。地 居 世 主 忤 利 稱 王 帝 釋 尊 天。

wáng zūn tiān, dì jū shì zhǔ dāo lì chēng wáng dì shì zūn tiān,

Bắc Phương Hộ Thế - Đại Dược Xoa Chủ - Đa Văn Thiên Chủ Tôn Thiên,

北 方 護 世 大 藥 叉 主 多 聞 天 王 尊 天。

běi fāng hù shì dà yào chā zhǔ duō wén tiān wáng zūn tiān,

Đông Phương Hộ Thế Càng Thát Bà Chủ - Trì Quốc Thiên Vương Tôn Thiên,

東 方 護 世 乾 閣 婆 主 持 國 天 王 尊 天。

dōng fāng hù shì gàn tà pó zhǔ chí guó tiān wáng zūn tiān,

Nam Phương Hộ Thế Cưu Bàn Trà Chủ, Tăng Trường Thiên Vương Tôn Thiên,

南 方 護 世 鳩 梨 茶 主 增 長 天 王 尊 天。

nán fāng hù shì jiū pán chá zhǔ zēng cháng tiān wáng zūn tiān,

Tây Phương Hộ Thế Đại Long Vương Chủ, Quảng Mục Thiên Vương Tôn Thiên,

西 方 護 世 大 龍 王 主 廣 目 天 王 尊 天。

xī fāng hù shì dà long wáng zhǔ guǎng mù tiān wáng zūn tiān,

Bách Minh Lợi Sanh, Thiên Quang Phá Ám, Nhật Cung Thiên Tử Tôn Thiên,

百 明 利 生 千 光 破 暗 日 宫 天 子 尊 天。

bǎi míng lì sheng qiān guāng pò àn rì gong tiān zǐ zūn tiān,

Tinh Tú Trung Vương Thanh Lương Chiếu Dạ, Nguyệt Cung Thiên Tử Tôn Thiên,

星 宿 中 王 清 涼 照 夜 月 宫 天 子 尊 天。

xīng sù zhōng wáng qīng liáng zhào yè yuè gōng tiān zǐ zūn tiān,

Thân Phục Ma Oán, Thệ Vị Lực Sĩ - Kim Cang Mật Tích Tôn Thiên,

親伏魔冤誓為力士金剛密跡尊天。

qīn fú mó yuan shì wéi lì shì jīn gang mì jī zūn tiān,

Đặc Tôn Chi Chủ, Cư Sắc Giới Đánh - Ma Hê Thủ La Tôn Thiên,

特尊之主居色界頂魔醯首羅尊天。

tè zūn zhī zhǔ jū sè jiè dǐng mó xī shǒu luó zūn tiān,

Nhị Thập Bát Bộ Thống Lãnh Quỹ Thần Tán Chỉ Đại Tướng Tôn Thiên,

二十八部統領鬼神散脂大將尊天。

er shí bā bù tǒng lǐng guǐ shén sàn zhī dà jiàng zūn tiān,

Năng Dữ Tổng Trì Đại Trí Huệ Tụ - Đại Biện Tài Tôn Thiên,

能與總持大智慧聚大辯才尊天。

néng yǔ zǒng chí dà zhì huì jù dà biàn cái zūn tiān,

Mật Hạnh Từ Nhẫn Quảng Hóa Tam Châu Vi Đà Thiên Tướng Tôn Thiên,

密行慈忍廣化三洲韋馱天將尊天。

mì xíng cí rěn guǎng huà sān zhōu wéi tuó tiān jiāng zūn tiān,

Tăng trưởng xuất sanh, chứng minh công đức – Kiên Lao Địa Thần Tôn Thiên.

增長出生證明功德堅牢地神尊天。

zēng zhǎng chū sheng zhèng míng gong dé jiān láo de shén zūn tiān.

Giác trưởng thùy ấm nhân quả: Hổ Nghiêm Bồ Đề Thọ Thần Tôn Thiên.

覺場垂陰因果互嚴菩提樹神尊天。

jué chǎng chuí yīn yīn guǒ hù yán pú tí shù shén zūn tiān.

Sanh chư quỷ vương bảo hộ nam nữ - Quỷ Tử Mẫu Thần Tôn Thiên.

生諸鬼王保護男女鬼子母神尊天。

sheng zhū guǐ wáng bǎo hù nán nǚ guǐ zǐ mǔ shén zūn tiān.

Hành nhựt nguyệt tiền, cứu bình phật nạn – Ma Lợi Phật tôn thiên.

行日月前掠兵戈難摩利支尊天。

xíng rì yuè qián jiù bīng gē nán mó lì pū zūn tiān,

Bí tạng pháp bảo chủ chấp quần long – Ta Kiệt La Vương Tôn Thiên.

祕藏法寶主執群龍沙竭羅王尊天。

mì chǎng fǎ bǎo zhǔ zhí qún lóng shā jié luó wáng zūn tiān,

Chưởng u minh quyền, vi địa ngục chủ - Diệm Ma La Tôn Thiên.

掌幽冥權為地獄主閻摩羅王尊天。

zhǎng yōu míng quán wèi dì yù zhǔ yán mó luó wáng zūn tiān,

Nhất thiết giai thị đại Bồ Tát đẳng cập thủ quốc nội danh sơn đại sông.

一切皆是大菩薩等及此國內名山大川。

yī qiè jiē shì dà pú sà děng jí cǐ guó nèi míng shān dà chuān,

Nhất thiết linh miếu bốn châu địa phân thuộc nội quỷ thần.

一切靈廟本州地分屬內鬼神。

yī qiè líng miào běn zhōu dì fēn shǔ nèi guǐ shén,

Thủ sở trụ xứ hộ Già Lam Thần thủ chánh pháp giả. Nhất thiết Thánh chúng. (3x)

此所住處護伽藍神守正法者。一切聖眾。(三

遍)

cǐ suǒ zhù chù hù qié lán shén shǒu zhèng fǎ zhě. yī qiè shèng zhòng.

(thỉnh lần thứ 1 và 2 xong, lạy. Lần thứ 3 niệm tiếp phía dưới) (已上三請畢起身禮拜 已下三請者只站立)

Duy nguyện bất vi bốn thệ, ủng hộ pháp luân, lai giáng đạo tràng,

唯願不違本誓,擁護法輪,來降道場,

wéi yuàn bù wéi běn shì, yōng hù fǎ lún, lái jiàng dào chǎng,

thọ ngã cúng dường. (1 lạy)

受我供養。(一遍,一拜)(九鐘十五鼓)

shòu wǒ gōng yǎng.

XƯƠNG TAM BẢO TÁN 唱三寶讚

Tam Bảo quảng vô biên.

Tăng kỳ vạn đức công viên.

三寶廣無邊。

sān bǎo guǎng wú biān,

Lục niên khổ hạnh chứng kim tiên.

六年苦行證金仙。

liù nián kǔ xíng zhèng jīn xiān,

Phóng quang hiện thụy chu sa giới.

放光現瑞週沙界。

fàng guāng xiàn ruì zhōu shā jiè,

Thiên Hiền vạn Thánh Kỳ Viên.

千賢萬聖會祇園。

qiān xián wàn shèng huì qí yuan,

Nam mô Tam Bảo Tôn Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南無三寶尊菩薩摩訶薩 (三拜) (九鐘十五鼓)

ná mó sān bǎo zūn pú sà mó hé sà

僧祇萬德功圓。

sēng qí wàn dé gōng yuán,

Thuyết Pháp lợi nhân thiên.

說法利人天。

shuō fǎ lì rén tiān,

Thiên long bát bộ đồng chiêm ngưỡng.

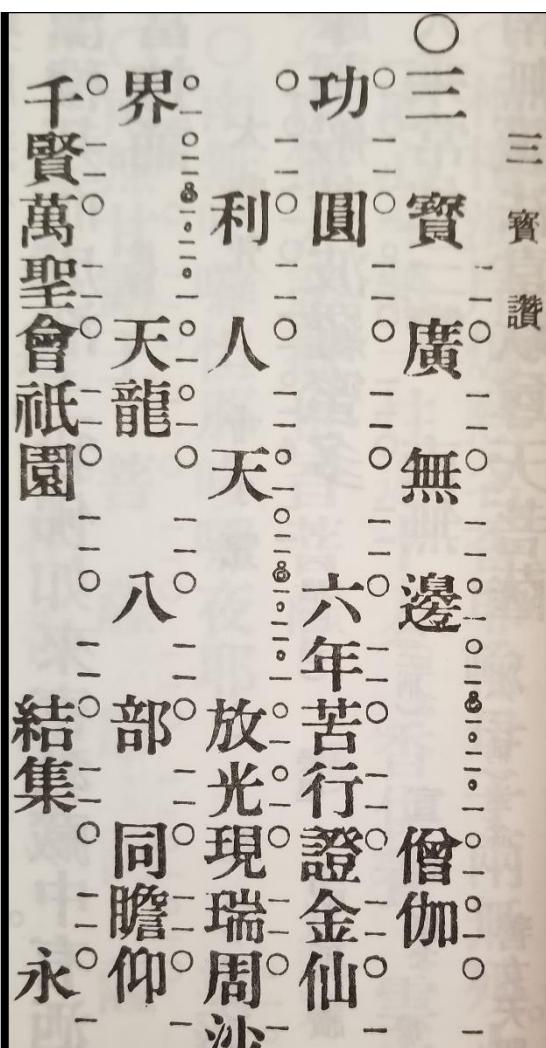
天龍八部同瞻仰。

tiān lóng bā bù tóng zhān yang,

Kết tập vĩnh lưu truyền.

結集永流傳。

jié jí yǒng liú chuán,



Hương hoa nghênh, hương hoa thỉnh:

香 花 迎 香 花 請

xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nhất tâm phụng thỉnh, Nam mô Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu Chúng Sư Đại
**一 心 奉 請。南 無 第 一 威 德。成 就 眾 事 大 功
 德**

yī xīn fèng qǐng, ná mó dì yī wēi dé, chéng jiù zhòng shì dà gōng dé

Công Đức Thiên.

天。

tiān.

(行者應念此菩薩。即是道場法門之主。當殷勤三請。希望來至。請已放香爐即便胡跪合掌。誦善女天咒。)

大 吉 祥 天 女 呪 Đại Cát Tường Thiên Nữ Chú

(或三遍或七遍想一切三寶及諸天仙。悉集道場。想已。唱光明讚畢。佛事長稍歇一刻)

大吉祥天女呪

NA MWO FWO TWO

NA MWO DA MWO

NA MWO SENG CHYE

NA MWO SHR LI

MWO HE TI BI YE

DA NI YE TWO

BWO LI FU LOU NWO

JE LI SAN MAN TWO

DA SHE NI

南無佛陀。

南無達摩。

南無僧伽。

南無室利。

摩訶提鼻耶。

怛你也他。

波利富樓那。

遮利三曼陀。

達舍尼。

Đại Cát Tường Thiên Nữ Chú

Nam mô Phật đà.

Nam mô Đạt ma.

Nam mô Tăng già.

Nam mô thất rị.

Ma ha đế tỳ da.

Đát nẽ dã tha.

Ba rị phú lầu na.

Giá rị tam mạn đà.

Đạt xá ni.

MWO HE PI HE LWO CHYE DI	摩訶毗訶羅伽帝。	Ma ha tỳ ha ra già đé.
SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
PI NI CHYE DI	毘尼伽帝。	Tỳ ni già đé.
MWO HE JA LI YE	摩訶迦利野。	Ma ha ca rị già.
BWO MI	波欗。	Ba ně,
BWO LA	波囉。	Ba ra,
BWO MI	波欗。	Ba ně.
SA LI WA LI TWO	薩利縛栗他。	Tát rị phạ lật tha.
SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
SYOU BWO LI DI	修鉢黎帝。	Tu bát lê đé.
FU LI NOW	富隸那。	Phú lệ na.
E LI NOW	阿利那。	A rị na.
DA MWO DI	達摩帝。	Đạt mạt đé.
MWO HE PI GU BI DI	摩訶毗鼓畢帝。	Ma ha tỳ cổ tất đé.
MWO HE MI LEI DI	摩訶彌勒帝。	Ma ha di lặc đé.
LOU BWO SENG CHI DI	婁𩙹僧祇帝。	Lâu phả tăng kỳ đé.
SYI DI SYI	醯帝薩。	Hê đé tỳ.
SENG CHI SYI DI	僧祇醯帝。	Tăng kỳ hê đé.
SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
E TWO E DU	阿他阿耨	A tha, a nâu,
PE LWO NI	婆羅尼。 (七遍)	Đà ra ni. (7X)

Quang Minh hội thượng,

光明會上。

guāng míng huì shàng

Hộ Pháp Chư Thiên,

護法諸天。

hù fǎ zhū tiān

Trời, trăng, sao tỏ rạng nhân gian,

日月星斗耀人間。

rì yuè xīng dòu yào rén jiān

Giữ đất nước an khang,

持國賜安然。

chí guó cì ān rán

Lòng thành dâng hiến cúng,

保佑心虔。

bǎo yòu xīn qián

phước thọ vĩnh bình an.

福壽永綿綿。

fú shòu yǒng mián mián

Nam Mô Tăng Phước Thọ Bồ Tát Ma Ha Tát (3x) (九鐘十五鼓)

南無增福壽菩薩摩訶薩。(三稱畢佛事長稍歇一刻)

ná mó zēng fú shòu pú sà mó hé sà



Tán Hương

香讚

Lò hương vừa đốt.

爐 香 乍 热 。

lú xiāng zhà rè

Chư Phật bốn biển đều xa hay.

諸 佛 海 會 悉 遙 聞 。

zhū fó hǎi huì xī yáo wén

Thấu tâm thành này.

誠 意 方 殷 。

chéng yì fāng yīn

Nam mô Hương Vân Cái Bồ tát. (3x)

南 無 香 雲 蓋 菩 薩 摩 詞 薩 。 (三稱)

ná mó xiāng yún gài pú sà mó hé sà

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3x)

南 無 本 師 釋 迦 牟 尼 佛 (三 稱)

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Khai Kinh Kệ

開經偈

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

無 上 甚 深 微 妙 法

wú shàng shèn shēn wéi miào fǎ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

我 今 見 聞 得 受 持

wǒ jīn jiàn wén dé shòu chí

Cõi pháp thơm lây

法 界 蒙 黑 。

fǎ jiè mēng xūn

Tùy xứ cát tường vân.

隨 處 吉 祥 雲 。

suí chù jí xiáng yún

Chư Phật hiện thân ngay.

諸 佛 現 全 身 。

zhū fó xiàn quán shēn

(九鐘十五鼓)



Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

百 千 萬 劫 難 遭 遇

bǎi qiān wàn jié nàn zāo yù

Nguyễn giải Như Lai chân thật nghĩa

願 解 如 來 真 實 義

yuàn jiě rú lái zhēn shí yì

Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Kinh Phẩm Không

(Việt dịch Thích Thiện Trí)

南無大乘金光明經空品

ná mó dà chéng jīn guāng míng jīng kong pīn

無量餘經已廣說空

wú liàng yú jīng yǐ guǎng shuō kōng

是故此中略而解說

shì gù cǐ zhōng lüè ér jiě shuō

眾生根鈍鮮于智慧

zhòng shēng gēn dùn xiān yú zhì huì

不能廣知無量空義

bù néng guǎng zhī wú liàng kōng yì

故此尊經略而說之

gù cǐ zūn jīng lüè ér shuō zhī

異妙方便種種因緣

yì miào fāng biàn zhǒng zhǒng yīn yuán

為鈍根故起大悲心

wèi dùn gēn gù qǐ dà bēi xīn

我今演說此妙經典

wǒ jīn yǎn shuō cǐ miào jīng diǎn

如我所解知眾生意

rú wǒ suǒ jiě zhī zhòng shèng yì

是身虛偽猶如空聚

shì shēn xū wěi yóu rú kōng jù

六入村落結賊所止

liù rù cūn luò jié zéi suǒ zhǐ

一切自住各不相知

yī qiè zì zhù gè bù xiāng zhī

眼根受色耳分別聲

yǎn gēn shòu sè ēr fēn bié shēng

鼻嗅諸香舌嗜於味

Vô lượng các kinh

Nói nhiều nghĩa không,

Thế nên ở đây

Giải thích lược qua.

Chúng sanh căn độn,

Trí tuệ kém cỏi,

Không thể biết rộng

Vô lượng nghĩa không.

Nên tôn kinh này

Chỉ nói tóm lược.

Phương tiện mầu nhiệm

Dùng đủ nhân duyên,

Vì kẻ độn căn

Khởi lòng Đại-bi.

Ta nay diễn nói

Kinh điển nhiệm mầu,

Như ta đã hiểu

Biết ý chúng sanh.

Thân này hư ngụy

Như mây trong không,

Xóm làng sáu nhập

Chỗ ở của giặc

Tất cả tự ở

Đều chẳng biết nhau.

Mắt thâu nhận sắc,

Tai phân biệt tiếng,

Mũi ngửi các mùi,

bí xiù zhū xiāng	shé shì yú wèi	Lưỡi nếm các vị,
所 有 身 根	貪 受 諸 觸	Còn phà thân căn
suǒ yǒu shēn gēn	tān shòu zhū chù	Tham lãnh các xúc,
意 根 分 別	一 切 諸 法	Ý căn phân biệt
yì gēn fēn bié	yī qiè zhū fǎ	Tất cả các pháp.
六 情 諸 根	各 各 自 緣	Sáu tình các căn
liù qíng zhū gēn	gè gè zì yuán	Mỗi mỗi tự duyên
諸 廬 境 界	不 行 他 緣	Cảnh giới căn trần
zhū chén jìng jiè	bù xíng tā yuán	Không duyên thứ khác
心 如 幻 化	馳 騞 六 情	Tâm như ảo hóa,
Xīn rú huàn huà	chí chěng liù qíng	Giong ruồi sáu tình,
而 常 妄 想	分 別 諸 法	Mà thường vọng tưởng
ér cháng wàng xiǎng	fēn bié zhū fǎ	Phân biệt các pháp.
猶 如 世 人	馳 走 空 聚	Cũng như người đời
yóu rú shì rén	chí zǒu kōng jù	Đuổi bắt hư không.
六 賊 所 害	愚 不 知 避	Sáu giặc phá hoại
liù zéi suǒ hài	yú bù zhī bì	Ngu không biết tránh.
心 常 依 止	六 根 境 界	Tâm thường nương tựa
xīn cháng yī zhǐ	liù gēn jìng jiè	Cảnh giới sáu căn,
各 各 自 知	所 伺 之 處	Mỗi mỗi tự biết,
gè gè zì zhī	suǒ cì zhī chù	Cảnh riêng của mình.
隨 行 色 聲	香 味 觸 法	Duyên theo sắc thanh
suí xíng sè shēng	xiāng wèi chù fǎ	Hương vị xúc pháp,
心 處 六 情	如 鳥 投 綱	Tâm ở sáu tình
xīn chù liù qíng	rú niǎo tóu gāng	Như chim sa lưới,
其 心 在 在	常 處 諸 根	Tâm ấy thường thường
qí xīn zài zài	cháng chù zhū gēn	Ở nơi các căn,
隨 逐 諸 廬	無 有 暫 舍	Theo đuổi các trần
suí zhú zhū chén	wú yǒu zàn shě	Không thể tạm bợ.
身 空 虛 傷	不 可 長 養	Thân luống hư dối

shēn kōng xū wèi	bù kě cháng yǎng	Không thể trưởng dưỡng
無有諍訟	亦無正主	Không có tranh tụng
wú yǒu zhèng sòng	yì wú zhèng zhǔ	Cũng không chánh chủ.
從諸因緣	和合而有	Từ các nhân duyên
cóng zhū yīn yuán	hé hé ér yǒu	Hòa hợp mà có,
無有堅實	妄想故起	Không có chắc thật
wú yǒu jiān shí	wàng xiǎng gù qǐ	Do vọng tưởng khởi,
業力機關	假偽空聚	Cơ quan nghiệp lực
Yè lì jī guān	jiǎ wěi kōng jù	Giả ngụy tụ họp
地水火風	合集成立	Đất nước gió lửa
dì shuǐ huǒ fēng	hé jí chéng lì	Hợp lại thành lập
隨時增減	共相殘害	Tùy thời tăng giảm
suí shí zēng jiǎn	gòng xiāng cán hài	Tàn hại lẫn nhau
猶如四蛇	同處一篋	Như bốn con rắn
yóu rú sì shé	tóng chù yī qiè	Đồng nhốt một hộp,
四大嫵蛇	其性各異	Bốn rắn to ấy
sì dà wǔ shé	qí xìng gè yì	Tánh chất khác nhau,
二上三卜	諸方亦二	Hai trên hai dưới
èr shàng sān bo	zhū fang yì èr	Các phương cũng hai
如是蛇大	悉滅無餘	Rắn lớn như thế
rú shì shé dà	xī miè wú yú	Đều diệt không sót,
地水二蛇	其性沉下	Hai rắn Đất, Nước
dì shuǐ èr shé	qí xìng chén xià	Tánh chúng chìm xuống,
風火二蛇	性輕上升	Hai rắn Gió Lửa
fēng huǒ èr shé	xìng qīng shàng shēng	Tánh nhẹ đi lên
心識三性	躁動不停	Hai tánh Tâm, Thức
xīn shí sān xìng	zào dòng bù tíng	Tháo động không ngừng.
隨業受報	人天諸趣	Tùy nghiệp chịu báo
suí yè shou bao	rèn tian zhū qu	Các cõi Người Trời,
隨所作業	而墮諸有	Tùy chỗ tạo nghiệp

suí suǒ zuò yè	ér duò zhū yǒu	Mà đọa các loài
水火風種	散滅壞時	Thứ Nước Lửa Gió
shuǐ huǒ fēng zhǒng	sàn miè huài shí	Khi tan diệt hoại.
大小不淨	盈流於外	Đại tiểu bất tịnh
dà xiǎo bù jìng	yíng liú yú wài	Đầy chảy ra ngoài,
體生諸蟲	無可愛樂	Thân sanh các trùng
tǐ shēng zhū chóng	wú kě ài yuè	Không thể ưa mến,
捐棄塚間	如朽敗木	Vất bỏ ngoài gò
Juān qì zhǒng jiān	rú xiǔ bài mù	Như cây mục nát!
善女當觀	諸法如是	Thiện-Nữ nên xét
shàn nǚ dāng guān	zhū fǎ rú shì	Các pháp như thế
何處有人	及以眾生	Chỗ nào có Người
hé chù yǒu rén	jí yǐ zhòng shēng	Và có chúng sanh?
本性空寂	無明故有	Bổn tánh vắng lặng
běn xìng kōng jì	wú míng gù yǒu	Vì vô minh có.
如是諸大	一一不實	Các đại như thế
rú shì zhū dà	yī yī bù shí	Mỗi mỗi chẳng thật.
本自不生	性無和合	Vốn tự không sanh,
běn zì bù shēng	xìng wú hé hé	Táng không hòa hợp.
以是因緣	我說諸大	Do nhân duyên ấy
yǐ shì yīn yuán	wǒ shuō zhū dà	Ta nói các đại
從本不實	和合而有	Từ gốc không thật,
cóng běn bù shí	hé hé ér yǒu	Hòa hợp mà có.
無明體相	本自不有	Thể tướng vô minh
wú míng tǐ xiāng	běn zì bù yǒu	Vốn tự không có
妄想因緣	和合而有	Nhân duyên vọng tướng
wàng xiǎng yīn yuán	hé hé ér yǒu	Hòa hợp mà có.
無所有故	假名無明	Vì không thật có
wú suǒ yǒu gù	jiǎ míng wú míng	Giả danh vô minh,
是故我說	名曰無明	Thế nên Ta nói

shì gù wǒ shuō	míng yuē wú míng	Gọi là vô minh,
行 識 名 色	六 人 觸 受	Hành thức danh sắc
xíng shí míng sè	liù rén chù shòu	Lục nhập Xúc Thọ
愛 取 有 生	老 死 愁 憂	Ái Thủ Hữu Sanh
ài qǔ yǒu shēng	lǎo sǐ chóu nǎo	Lão tử sầu nỗi,
眾 苦 行 業	不 可 思 議	Hạnh nghiệp các khổ
zhòng kǔ heng yè	bù kě sī yì	Không thể nghĩ bàn,
生 死 無 際	輪 轉 不 息	Sanh tử vô ngần
shèng sǐ wú jì	lún zhuǎn bù xī	Luân chuyển chẳng dứt.
本 無 有 生	亦 無 和 合	Vốn không có sanh
běn wú yǒu shēng	yì wú hé hé	Cũng không hòa hợp.
不 善 思 惟	心 行 所 造	Suy nghĩ bất thiện
bù shàn sī wéi	xīn xíng suǒ zào	Tâm hành gây tạo.
我 斷 一 切	諸 見 繼 等	Ta đoạn tất cả
wǒ duàn yī qiè	zhū jiàn chán děng	Các kiến trúl buộc.
以 智 慧 刀	裂 煩 憂 網	Dùng dao trí tuệ
yǐ zhì huì dāo	liè fán nǎo wǎng	Rọc lưỡi phiền não.
五 陰 舍 宅	觀 悉 空 寂	Quán thân năm ấm
wǔ yīn shě zhái	guān xī kōng jì	Tất cả vắng lặng,
證 無 上 道	微 妙 功 德	Chứng đạo vô thượng.
zhèng wú shàng dào	wéi miào gong dé	Công đức nhiệm mầu.
開 甘 露 門	示 甘 露 器	Mở cửa cam lồ,
kāi gān lù mén	shì gān lù qì	Chỉ đồ cam lồ,
入 甘 露 城	處 甘 露 室	Vào thành cam lồ,
rù gān lù chéng	chù gān lù shì	Ở nhà cam lồ,
令 諸 羣 生	食 甘 露 味	Khiến các chúng sanh
lìng zhū zhòng shēng	shí gān lù wèi	Ăn vị cam lồ;
吹 大 法 螺	擊 大 法 鼓	Thổi loa đại pháp,
chuī dà fǎ luó	jī dà fǎ gǔ	Đánh trống đại pháp.
燃 大 法 炬	雨 勝 法 雨	Đốt đuốc đại pháp,

rán dà fǎ jù	yǔ shèng fǎ yǔ	Tuôn mưa đại pháp,
我今摧伏	一切怨結	Ta nay phá dẹp
wǒ jīn cuī fú	yī qiè yuàn jié	Tất cả oan kết,
堅立第一	微妙法幢	Dựng cao cờ pháp
jiān lì dì yī	wéi miào fǎ chuáng	Mầu nhiệm thứ nhất,
度諸眾生	於生死海	Độ các chúng sanh
dù zhū zhòng shēng yú sheng sǐ hǎi		Khỏi biển sanh tử,
永斷三惡	無量苦惱	Hằng dứt ba ác
yǒng duàn sān è	wú liàng kǔ nǎo	Vô lượng khổ não.
煩惱熾膚	燒諸眾生	Lửa dữ phiền não
fán nǎo chì fū	shāo zhū zhòng shēng	Đốt các chúng sanh,
無有救護	無所依止	Không ai cứu hộ,
wú yǒu jiù hù	wú suǒ yī zhǐ	Không chỗ nương tựa,
我以甘露	清涼美味	Ta dùng mỹ vị
wǒ yǐ gān lù	qīng liáng měi wèi	Cam lồ mát mẻ.
充足是輩	今離焦熱	Giúp họ đầy đủ,
chōng zú shì bèi	jīn lí jiāo rè	Khiến lìa nóng đốt,
於無量劫	遭修諸行	Ở vô lượng kiếp
yú wú liàng jié	zūn xiū zhū xíng	Lo tu các hạnh,
供養恭敬	諸佛世尊	Cúng dường, cung kính
gong yǎng gong jìng	zhū fó shì zūn	Chư Phật Thế Tôn,
堅固修習	菩提之道	Kiên cố tu tập
jiān gù xiū xí	pú tí zhī dào	Đạo nghiệp Bồ Đề,
求於如來	真實法身	Cầu được Như Lai
qiú yú rú lái	zhēn shí fǎ shēn	Pháp thân chân thật.
捨諸所重	肢節手足	Xả bỏ thân mạng
shě zhū suǒ zhòng	zhī jié shǒu zú	Lóng đốt chân tay
頭目髓腦	所愛妻子	Đầu mắt tuy não,
tóu mù suǐ nǎo	suǒ ài qī zi	Vợ con yêu dấu,
錢財珍寶	真珠纓絡	Tất cả của báu

qián cái zhēn bǎo zhēn zhū yīng luò
金 銀 琉 璃 種 種 異 物
jīn yín liú lí zhǒng zhǒng yì wù

Chân châu, anh lạc,
Lưu ly vàng bạc,
Trân bảo tiền tài...

Nam Mô Bảo Hoa Lưu Ly Phật (3x)
南 無 寶 華 琉 璃 佛 (三稱)
ná mó bǎo huá liú lí fó

Mặt Phật như trăng tròn thanh tịnh
佛 面 猶 如 淨 滿 月
fó miàn yóu rú jìng mǎn yuè

Như ngàn mặt trời phóng ánh sáng
亦 如 千 日 放 光 明
yì rú qiān rì fàng guāng míng

Mắt trong dài rộng như sen xanh
目 淨 修 廣 若 青 莲
mù jìng xiū guǎng ruò qīng lián

Răng trắng khít đều giống Kha Tuyết
齒 白 齊 密 猶 珂 雪
chǐ bái qí mì yóu kē xuě

Công Đức của Phật như biển lớn
佛 德 無 邊 如 大 海
fó dé wú biān rú dà hǎi

Trong ấy chứa vô lượng Diệu Bảo
無 限 妙 寶 積 其 中
wú xiàn miào bǎo jī qí zhōng

Luôn đầy nước Công Đức, Trí Tuệ
智 慧 德 水 鎮 常 盈
zhì huì dé shuǐ zhèn cháng yíng

Trăm ngàn Thắng Định đều tràn đầy
百 幹 勝 定 咸 充 滿
bǎi gàn shèng dìng xián chōng mǎn

Dưới chân tướng bánh xe nghiêm túc
足 下 輪 相 皆 嚴 飾
zú xià lún xiāng jiē yán shì

Đùm, vành, ngàn cẩm đều ngang bằng
轂 輓 千 輻 悉 齊 平
gǔ wǎng qiān fú xī qí píng

Trai chân màng mỏng trang nghiêm khắp Giống như ngỗng chúa đầy đủ tướng

手足縵綱遍莊嚴 猶如鵝王相具足

shǒu zú màn gāng biàn zhuāng yán yóu rú é wáng xiāng jù zú

Thân Phật tỏa sáng như núi vàng

佛身光耀等金山

fó shēn guāng yào děng jīn shān

Thanh tịnh thù đặc không gì sánh

清淨殊特無倫匹

qīng jìng shū tè wú lún pǐ

Cũng như Diệu Cao đủ Công Đức

亦如妙高功德滿

yì rú miào gāo gōng dé mǎn

Nên con cúi lạy Phật Sơn Vương

故我稽首佛山王

gù wǒ qǐ shǒu fó shān wáng

Tướng tốt như hư không khó lường

相好如空不可測

xiāng hǎo rú kōng bù kě cè

Dạo nơi Thiên Nguyệt phóng ánh sáng

逾於千月放光明

yú yú qiān yuè fàng guāng míng

Đều như lửa huyền khó nghĩ bàn

皆如燔幻不思議

jiē rú fán huàn bù sī yì

Nên con cúi lạy Tâm Vô Trước

故我稽首心無著

gù wǒ qǐ shǒu xīn wú zhuó

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn

七佛滅罪真言

Ly bà ly bà đế, Cầu ha cầu ha đế, Đà la ni đế. Ni ha ra đế, Tỳ lê nẽ đế, Ma ha già đế, Chân lăn càn đế, Ta bà ha. (3x)

離婆離婆帝。求訶求訶帝。陀羅尼帝。尼訶囉帝。

lí pó lí pó dì。qiú hé qiú hé dì。tuó luó ní dì。ní hé là dì。

毗黎你帝。摩訶伽帝。真陵乾帝。莎婆訶。(3x)

pí lí nǐ dì。mó hé qié dì。zhēn líng qián dì。suō pó hé。

Bổ Khuyết Chân Ngôn

補闕真言

Nam-mô hát ra đát na đà ra dạ da, khê ra khê ra, cu trụ cu trụ ma ra ma ra, hổ ra hồng, hạ hạ tô đát noa hồng. Bát mật noa, ta bà ha. (3x)

南謨喝囉怛那哆囉夜耶。佢囉佢囉。俱住俱住。

nán mó hē la dá nà duō la yè yé。 chye la chye la。 jù zhù jù zhù。

摩囉摩囉。虎囉吽。賀賀蘇怛拏。吽。潑抹拏。

mó la mó la。 hǔ la hung。 hè hè sū dá nuo。 hung。 pō mǒ nuo。

娑婆訶. (3x)

suō pó hé

主白文

上來來奉請三寶諸天已荷光臨大眾上來來奉請三
寶諸天已荷光臨大眾虔誠。誦咒安奉。

楞嚴咒 CHÚ LĂNG NGHĨÊM

大悲咒 CHÚ ĐẠI BI



上供

1、唱誦

Chiên đàn hải ngạn

旃 檀 海 岸 。

zhān tán hǎi àn.

Lư nhiệt danh hương

爐 薰 名 香 。

lú ruò míng xiāng.

Gia Tô Tử Mẫu lương vô ương

耶 輸 子 母 兩 無 殘 。

yé shū zǐ mǔ liǎng wú yāng.

Hỏa nội đắc thanh lương

火 內 得 清 凉 。

huǒ nèi dé qīng liáng.

Chí tâm kim tương

至 心 今 將 。

zhì xīn jīn jiāng.

Nhất chú biến thập phương

一 烊 偏 十 方 。

yī zhù piān shí fāng.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát (3x)

南 無 香 雲 蓋 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱) (九鐘十五鼓)

ná mó xiāng yún gài pú sà mó hé sà (3x)

2、稱聖號

Nam Mô Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát (3x)

南 無 靈 山 會 上 佛 菩 薩 (三遍)

ná mó líng shān huì shàng fó pú sà (3x)

Nam mô Phật

南 無 佛 。

ná mó fó

Nam mô Pháp

南 無 法 。

ná mó fǎ

Nam mô Tăng

南 無 僧 。

ná mó sēng

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

南無本師釋迦牟尼佛

ná mó běn shī shì jiā móu ní fó

Nam mô Tứ Phương Tứ Phật

南無四方四佛

ná mó sì fang sì fó

Nam mô Bảo Hoa Lưu Ly Phật

南無寶華琉璃佛

ná mó bǎo huá liú lí fó

Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Kinh

南無大乘金光明經。

ná mó dà chéng jīn guāng míng jīng

Nam mô Tín Tướng Bồ Tát

南無信相菩薩

ná mó xìn xiāng pú sà

Nam mô Kim Quang Minh Bồ Tát

南無金光明菩薩

ná mó jīn guāng míng pú sà

Nam mô Kim Tặng Bồ Tát

南無金藏菩薩

ná mó jīn zàng pú sà

Nam mô Thường Bi Bồ Tát

南無常悲菩薩

ná mó cháng bēi pú sà

Nam mô Pháp Thương Bồ Tát

南無法上菩薩

ná mó fǎ shàng pú sà

Nam mô Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên

南無第一威德成就眾事大功德天

ná mó dì yī wēi dé chéng jiù zhòng shì dà gong dé tiān

Nam mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

南無護法韋馱尊天菩薩

ná mó hù fǎ wéi tuó zūn tiān pú sà

Nam mô Hộ Pháp Chư Thiên Bồ Tát

南無護法諸天菩薩

ná mó hù fǎ zhū tiān pú sà

Nam mô Già Lam Thánh Chúng Bồ Tát

南無伽藍聖眾菩薩

ná mó qié lán shèng zhòng pú sà

Nam mô Lịch Đại Tổ Sư Bồ Tát

南無歷代祖師菩薩

ná mó lì dài zǔ shī pú sà

Nam mô Đại Thánh Khẩn Na La Vương Bồ Tát (3x)

南無大聖緊那羅王菩薩 (三遍)

ná mó dà sheng jǐn nà luó wáng pú sà (3x)

(此上各聖號，皆周而復始，三遍。)

3、變食真言

Biến Thực Chân Ngôn

NA MWO SA WA DAN TWO

南無薩縛怛他

Nam mô tát phạ đát tha,

YE DWO

讖哆。

Nga đa

WA LU JR DI

縛嚕枳帝。

Phạ lồ chỉ đế.

NAN

唵。

Án

SAN BWO LA SAN BWO LA

三跋囉三跋囉

Tam bạt ra, tam bạt ra

HUNG (3X)

吽 (三遍)

Hồng (3X)

4、甘露水真言

Cam Lộ Thủy Chân Ngôn

NA MWO SU LU PE YE

南無蘇嚕婆耶。

Nam mô tô rô bà da,

DAN TWO YE DWO YE	怛他謔嚙耶。	Đát tha nga ða da,
DAN JR TWO	怛姪他。	Đát điệt tha.
NAN	唵。	Án
SU LU SU LU	蘇嚙蘇嚙。	Tô rô tô rô,
BWO LA SU BWO LA SU LU	鉢囉蘇嚙鉢囉蘇嚙。	Tát ra tô rô, bát ra tô rô,
SWO PE HE (3X)	娑婆訶 (三遍)	Ta bà ha. (3X)
Món ăn sắc hương vị 此食色香味 , cǐ shí sè xiāng wèi, Kế phung các Thánh Hiền, 中奉諸聖賢 , zhōng fèng zhū shèng xián,	Trên cúng mười phương Phật 上供十方佛 , shàng gong shí fang fó, Dưới tới sáu đạo phẩm 下及六道品。 xià jí liù dào pǐn,	
Đảng thí không sai biệt 等施無差別 , děng shī wú chā bié,	Tuỳ nguyện đều no đủ. 隨願皆飽滿 , suí yuàn jiē bǎo mǎn,	
Khiến người bố thí được 令今施者得 , lìng jīn shī zhě dé,	Vô lượng ba la mật. 無量波羅蜜。 wú liàng bō luó mì.	
Tam đức lục vị 三德六味 , sān dé liù wèi,	Cúng Phật cùng Tăng 供佛及僧 , gōng fó jí sēng,	
Pháp giới hữu tình 法界有情 , fǎ jiè yǒu qíng,	Khắp đồng cúng dưỡng. 普同供養。 pǔ tóng gong yang.	

5、普供養真言

Phổ Cúng Dưỡng Chân Ngôn

NAN	唵	Án
YE YE NANG	誡誡曩	Nga nga năng
SAN PWO WA	三婆縛	Tam bà phạ
FA DZ LA	糞日囉	Phiệt nhựt ra
HUNG (3X)	斛。 (三遍)	hồng. (3X)

Xướng tụng

唱誦 (大讚)

Kiến thành hiến hương hoa.

虔 誠 獻 香 花。

qián chéng xiān xiāng huā

Tịnh bình dương liễu sái kham khoa.

淨 瓶 楊 柳 灑 堪 誇。

jìng píng yáng liǔ sǎ kān kuā

Mông sơn tước thiệt trà phụng hiến

蒙 山 雀 舌 茶 奉 獻。

méng shān què shé chá fèng xiān

Trí tuệ đăng hồng diễm giao gia.

智 慧 燈 紅 焰 交 加。

zhì huì dēng hóng yàn jiāo jiā

Cảm lãm cộng tì bà.

橄 榄 共 枇 杷。

gǎn lǎn gòng pí pá

Tô đà phổ cúng dường

酥 配 普 供 養。

sū tuó pǔ gong yang

Thích Ca Tôn, bách bảo minh châu phung hiến Phật Bồ Tát

釋 迦 尊 , 百 寶 明 珠 奉 獻 佛 菩 薩。

shì jiā zūn bǎi bǎo míng zhū fèng xiān fó pú sà

Y phung hiến Pháp Vương gia

衣 奉 獻 法 王 家。

yī fèng xiān fǎ wáng jiā

Nam mô Phổ Cúng Dường Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南 無 普 供 養 菩 薩 摩 訶 薩 (三 拜)

ná mó pǔ gong yang pú sà mó hé sà



獻食唱讚

虔誠

獻

香

花

智慧

燈紅燄

交

加

淨瓶

楊柳

洒堪誇

橄欖

共

枇杷

蒙山雀舌茶奉

獻

酥酡

普供養釋迦

百寶明

珠奉獻佛菩薩

衣獻法王家

百寶明珠奉獻佛菩薩

衣獻法王家

南無普供養菩薩摩訶薩
(三稱)

Nam mô Đại Thừa Thường Trụ Tam Bảo (3 lạy)

南無大乘常住三寶 (三稱, 三拜)

ná mó dà chéng cháng zhù sān bǎo

维那唱

Phật Pháp Tăng Tam Bảo,

佛 法 僧 三 寶 ,

fó fǎ sēng sān bǎo

Chí tâm hiến diệu cúng

志 心 献 妙 供 ,

zhì xīn xiān miào gōng fú

Chúng sanh lương phước điền,

眾 姓 良 福 田 ,

zhòng xìng liáng fú tián

Phước thọ quảng vô biên.

福 壽 廣 無 邊。

shòu guǎng wú biān

**上來恭對三寶諸天菩薩聖前。修設香花果品酥酡妙供。供獻
諸佛聖眾護法尊天。伏乞發廣大慈悲納受。**

主接讚疏文

稱聖號

Nam mô Bǎo Hoa Lưu Ly Phật

南 無 寶 華 琉 璃 佛。

ná mó bǎo huá liú lí fó

Nam mô Đại Thừa Kim Quang Minh Kinh

南 無 大 乘 金 光 明 經。

ná mó dà chéng jīn guāng míng jīng

Nam mô Đệ Nhất Oai Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên (3x)

南 無 第 一 威 德 成 就 眾 事 大 功 德 天 (三稱)

ná mó dì yī wēi dé chéng jiù zhòng shì dà gong dé tiān (3x)

主者白文

Nay chúng con đạo tràng, phu thiết cúng dường, thắp đủ loại hương đèn, phụng đủ loại
ẩm thực, tịnh kiết như pháp. Cung trì phụng cúng chư Phật Thế Tôn, đại thừa kinh điển,
Bồ-tát Thánh Hiền, nhất thiết Tam Bảo. Lại công đức đại thiên, Đại Biện, bốn vua Phạm
Thích, thiêng long bát bộ Thánh chúng.

**今我道場。敷設供養。然種種香。点種種燈。奉種種飲食。
淨潔如法。恭持奉供。諸佛世尊。大乘經典。菩薩賢聖。一
切三寶。又復別具香華飲食。奉獻功德大天。大辯四天。梵
釋天龍。八部聖眾。復持飲食。散擲餘方。施諸神等。**

Duy nguyện Tam-bảo Thiên Tiên xót thương nạp thọ chúng con và hết thảy chúng. Dùng Kim Quang Minh lực và oai thần của chư Phật khiến các thứ cúng dường hiển hiện mười phương tất cả các cõi Phật, như mây che khắp, như mưa thấm nhuần, rộng làm Phật sự, đằng huân chúng sanh phát tâm Bồ-đề, đồng viên chúng trí.

**惟願三寶天仙。憐愍我等。及諸眾生。受此供養。以金光明
力。及諸佛威神。於一念間。顯現十方一切佛剎。如雲遍
滿。如雨普洽。廣作佛事。等熏眾生。發菩提心。同圓種
智。** (作是語已。當持飲食至道場外淨處。布散四方。)

大吉祥天女呪

Đại Cát Tường Thiên Nữ Chú

NA MWO FWO TWO	南無佛陀。	Nam mô Phật đà.
NA MWO DA MWO	南無達摩。	Nam mô Đạt ma.
NA MWO SENG CHYE	南無僧伽。	Nam mô Tăng già.
NA MWO SHR LI	南無室利。	Nam mô thất rị.
MWO HE TI BI YE	摩訶提鼻耶。	Ma ha đê tỳ da.
DA NI YE TWO	怛你也他。	Đát nẽ dã tha.
BWO LI FU LOU NWO	波利富樓那。	Ba rị phú lầu na.
JE LI SAN MAN TWO	遮利三曼陀。	Giá rị tam mạn đà.
DA SHE NI	達舍尼。	Đạt xá ni.
MWO HE PI HE LWO CHYE DI	摩訶毗訶羅伽帝。	Ma ha tỳ ha ra già đé.

SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
PI NI CHYE DI	毘尼伽帝。	Tỳ ni già đé.
MWO HE JA LI YE	摩訶迦利野。	Ma ha ca rị giā.
BWO MI	波嚮。	Ba nǚ,
BWO LA	波囉。	Ba ra,
BWO MI	波嚮。	Ba nǚ.
SA LI WA LI TWO	薩利縛栗他。	Tát rị phạ lật tha.
SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
SYOU BWO LI DI	修鉢黎帝。	Tu bát lê đé.
FU LI NOW	富隸那。	Phú lệ na.
E LI NOW	阿利那。	A rị na.
DA MWO DI	達摩帝。	Đạt mạ đé.
MWO HE PI GU BI DI	摩訶毗鼓畢帝。	Ma ha tỳ cổ tắt đé.
MWO HE MI LEI DI	摩訶彌勒帝。	Ma ha di lặc đé.
LOU BWO SENG CHI DI	婁簸僧祇帝。	Lâu phả tăng kỳ đế.
SYI DI SYI	醯帝祇。	Hê đế tỷ.
SENG CHI SYI DI	僧祇醯帝。	Tăng kỳ hê đé.
SAN MAN TWO	三曼陀。	Tam mạn đà.
E TWO E DU	阿他阿耨	A tha, a nâu,
PE LWO NI (7X)	婆羅尼。 (七遍)	Đà ra ni. (7X)

Chúc Nguyễn

祝愿

Tôi nay ý lời Phật dạy cúng dường Đại Thừa Tam Bảo, và cát tường đại thiêng, đem những món ăn tung vãi mười phương khắp thí quỷ thần. Nguyện thần minh oai quyền tự tại, khắp đồng hợp tập, cùng thọ pháp thực, sung túc đầy đủ, thần lực mạnh thêm. Biết chỗ chúng tôi mong cầu giúp cho mãn nguyện. Xin đem phước lợi này khắp nhuận hàm linh, đồng hưởng an vui mãi mãi.

我今依教供養大乘三寶。及吉祥大天。持此種種飲食。散灑諸方。遍施諸神。願諸神明。威權自在。一念普集。各受法食。充足無乏。身力勇銳。守護堅強。知我所求。願當相與。回此福利。普潤含生。果報自然。常受勝樂。

(作是咒願竟。即便以食散擲四方。想無量鬼神悉來受食。爾時或誦前咒。或但云南無室利摩訶天女。以食盡為度。散灑畢回道場禮佛)。

消 災 吉 祥 神 咒

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

NA MWO SAN MAN DWO	曩謨三滿哆	Nam mô tam mǎn đa
MU TWO NAN	母馱喃	mẫu đà nǎm
E BWO LA DI	阿鉢囉底	a bát ra đế
HE DWO SHE	賀多舍	hạ đa xá
SWO NANG NAN	娑曩喃	ta nǎng nǎm
DA JR TWO	怛侄他	đát diệt tha
NAN	唵	Án
CHYWE CHYWE	佧佧	khư khư
CHYWE SYI	佧嚙	khư hế
CHYWE SYI	佧嚙	khư hế
HUNG HUNG	吽吽	hồng hồng
RU WA LA	入嚙囉	nhập phạ ra

RU WA LA	入嚙囉	nhập phạ ra
BWO LA RU WA LA	鉢囉入嚙囉	bát ra nhập pha ra
BWO LA RU WA LA	鉢囉入嚙囉	bát ra nhập pha ra
DI SAI CHA	底瑟奩	để sắt sá
DI SAI CHA	底瑟奩	để sắt sá
SHAI JR LI	瑟致哩	sắt trí rị
SHAI JR LI	瑟致哩	sắt trí rị
SWO PAN JA	娑發吒	ta phấn tra
SWO PAN JA	娑發吒	ta phấn tra
SHAN DI JYA	扇底迦	phiến để ca
SHR LI YE	室哩曳	thất rị duệ
SWO WA HE (3X)	娑嚙訶 (3X)	ta phạ ha. (3 lần)

Xướng kê
唱偈

Hỡi chúng Thiên Tiên.

汝等天仙眾。

rǔ děng tiān xiān zhòng

Thức ăn biến mười phương.

此食徧十方。

cǐ shí biàn shí fāng

Nguyễn đem công đức này,

願以此功德。

yuàn yǐ cǐ gōng dé

Kẻ thí người thọ.

我等與天仙。

wǒ děng yǔ tiān xiān

Hỡi chúng Địa kỳ.

汝等地祇眾。

rǔ děng dì qí zhòng

Thức ăn biến mười phương.

此食徧十方。

cǐ shí biàn shí fāng

Nguyễn đem công đức này,

願以此功德。

yuàn yǐ cǐ gōng dé

Kẻ thí người thọ

我等與地祇。

wǒ děng yǔ dì qí

Hỡi chúng vua quan.

Tôi nay khắp cúng dường.

我今施汝供。

wǒ jīn shī rǔ gōng

Tất cả Thiên Tiên chung hưởng.

一切天仙共。

yī qiè tiān xiān gòng

Phổ cập tới tất cả.

普及於一切。

pǔ jí yú yī qiè

Đều trọn thành Phật đạo.

皆共成佛道。

jiē gòng chéng fó dào

Tôi nay khắp cúng dường.

我今施汝供。

wǒ jīn shī rǔ gōng

Tất cả Địa kỳ chung hưởng.

一切地祇共。

yī qiè dì qí gòng.

Phổ cập tới tất cả,

普及於一切。

pǔ jí yú yī qiè

Đều trọn thành Phật đạo.

皆共成佛道。

jiē gòng chéng fó dào

Tôi nay khắp cúng dường.

汝等王官眾。

rǔ děng wáng guān zhòng

Thức ăn biến mười phương.

此食徧十方。

cǐ shí biàn shí fāng

Nguyện đem công đức này,

願以此功德。

yuàn yǐ cǐ gōng dé

Kẻ thí người thọ

我等與王官。

wǒ děng yǔ wáng guān

我今施汝供。

wǒ jīn shī rǔ gōng

Tất cả vua quan chung hưởng.

一切王官共。

yī qiè wáng guān gòng

Phổ cập tới tất cả,

普及於一切。

pǔ jí yú yī qiè

Đều trọn thành Phật đạo.

皆共成佛道。

jiē gòng chéng fó dào

BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

般若波羅蜜多心經

觀自在菩薩，行深般若波羅密多時，照見五
guān zì zài pú sà, xíng shēn bō rě bō luó mì duō shí, zhào jiàn wǔ

蘊皆空，度一切苦厄。舍利子！色不異空，空
yùn jiē kōng, dù yī qiè kǔ è, shè lì zì! sè bù yì kōng, kōng bù
不

yì sè. sè jí shì kōng, kōng jí shì sè. shòu xiǎng xíng shí, yì fù rú

是。舍利子！是諸法空相，不生不滅，不垢不
shì. shè lì zì! shì zhū fǎ kōng xiāng, bù shēng bù miè, bù gòu bù

淨，不增不減。是故，空中無色，無受、想、行、
jìng, bù zēng bù jiǎn. shì gù, kōng zhōng wú sè, wú shòu, xiǎng, xíng,

識；無 眼、耳、鼻、舌、身、意；無 色、聲、香、味、觸、

shí; wú yǎn, ěr, bí, shé, shēn, yì; wú sè, shēng, xiāng, wèi, chù,

法；無 眼 界，乃 至 無 意 識 界；無 無 明，亦 無 無 明

fǎ; wú yǎn jiè, nǎi zhì wú yì shí jiè; wú wú míng, yì wú wú míng

盡，乃 至 無 老 死，亦 無 老 死 尽；無 苦、集、滅、

jǐn, nǎi zhì wú lǎo sǐ, yì wú lǎo sǐ jǐn; wú kǔ, jí, miè,

道，無 智 亦 無 得，以 無 所 得 故，菩 提 薩 墓；依 般

dào, wú zhì yì wú dé, yǐ wú suǒ dé gù, pú tí sà duǒ; yī bō

若 波 羅 密 多 故，心 無 墾 碍；無 墾 碍 故，無 有 恐

rě bō luó mì duō gù, xīn wú guà ài; wú guà ài gù, wú yǒu kǒng

怖，遠 離 頽 倒 夢 想，究 竟 涅 槃。三 世 諸 佛，依 般

bù, yuǎn lí diān dǎo mèng xiǎng, jiù jìng niè pán. sān shì zhū fó, yī bō

若 波 羅 密 多 故，得 阿 轢 多 羅 三 蕴 三 菩 提。故

rě bō luó mì duō gù, dé ā nòu duō luó sān miǎo sān pú tí. gù

知，般 若 波 羅 密 多 是 大 神 咒，是 大 明 咒，是 無
zhī, bō rě bō luó mì duō shì dà shén zhòu, shì dà míng zhòu, shì wú

上 咒，是 無 等 等 咒，能 除 一 切 苦，真 實 不 虛。

故

shàng zhòu, shì wú děng děng zhòu, néng chū yī qiè kǔ, zhēn shí bù xū. gù

說 般 若 波 羅 密 多 咒，即 說 咒 曰：

shuō bō rě bō luó mì duō zhòu, jí shuō zhòu yuē:

揭帝揭帝波羅揭帝波羅僧揭帝菩提薩婆訶！

Jié dì, jiē dì, bō luó jiē dì, bō luó sēng jiē dì, pú tí sà pó hé!

Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giải không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá-lợi tử sắc bất di không, không bất di sắc, sắc túc thị không, không túc thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá-lợi tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãm, nhĩ, tý, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãm giới nã chí vô ý thức giới.

Vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nã chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo, vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, tâm vô quái ngại. Vô quái ngại cố, vô hữu khùng bối, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu kính Niết-bàn. Tam thế chư Phật y Bát-nhã ba-la-mật-đa cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Cố tri Bát-nhã Ba-la-mật-đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.

Cố thuyết Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú túc thuyết chú viết: Yết-đế, yết-đế, ba-la yết-đế, ba-la-tăng yết-đế, bồ-đề tát-bà-ha.

Thân Phật sáng ngời như Kim Sơn

佛身光耀等金山

fó shēn guāng yào děng jīn shān

Thanh tịnh đặc thù không ai bằng

清淨殊特無倫匹

qīng jìng shū tè wú lún pǐ

Nhị thập chư Thiên công đức mãn

二四諸天功德滿

天

èr sì zhū tiān gōng dé mǎn

Nay con kệ thủ Đại Tôn Thiên

故我稽首大尊

gù wǒ qǐ shǒu dà zūn tiān

Nam mô Công Đức Tôn Thiên

南無功德尊天

ná mó gōng dé zūn tiān

(người xuất gia xá, Phật tử tại gia lạy)

(出家问讯，在家礼拜)

Nam mô Đại Biện Tài Tôn Thiên

南無大辯才尊天

ná mó dà biàn cái zūn tiān

Nam mô Đại Phạm Tôn Thiên

南無大梵尊天

ná mó dà fàn zūn tiān

Nam mô Đế Thích Tôn Thiên

南無帝釋尊天

ná mó dì shì zūn tiān

Nam mô Trì Quốc Tôn Thiên

南無持國尊天

ná mó chí guó zūn tiān

Nam mô Tăng Trưởng Tôn Thiên

南無增長尊天

ná mó zēng cháng zūn tiān

Nam mô Quang Mục Tôn Thiên

南無廣目尊天

ná mó guǎng mù zūn tiān

Nam mô Đa Văn Tôn Thiên

南無多聞尊天

ná mó duō wén zūn tiān

Nam mô Kim Cang Mật Tích Tôn Thiên

南無金剛密跡尊天

ná mó jīn gang mì jī zūn tiān

Nam mô Tán Chỉ Tôn Thiên

南無散脂尊天

ná mó sàn zhī zūn tiān



Nam mô Vi Đà Tôn Thiên

南無韋馱尊天

ná mó wéi tuó zūn tiān

Nam mô Kiên Lao Địa Tôn Thiên

南無堅牢地尊天

ná mó jiān láo dì zūn tiān

Nam mô Bồ Đề Thọ Tôn Thiên

南無菩提樹神尊天

ná mó pú tí shù shén zūn tiān

Nam mô Quỷ Tử Mẫu Tôn Thiên

南無鬼子母尊天

ná mó guǐ zǐ mǔ zūn tiān

Nam mô A Lợi Đế Nam Tôn Thiên

南無阿利帝嘯尊天

ná mó a li dì nan zūn tiān

Nam mô Ma Hê Thủ La Tôn Thiên

南無摩醯首羅尊天

ná mó mó xī shǒu luó zūn tiān

Nam mô Nhật Cung Tôn Thiên

南無日宮尊天

ná mó rì gōng zūn tiān

Nam mô Nguyệt Cung Tôn Thiên

南無月宮尊天

ná mó yuè gōng zūn tiān

Nam mô Tinh Cung Tôn Thiên

南無星宮尊天

ná mó xing gōng zūn tiān

Nam mô Tam Thập Tam Tôn Thiên



南無三十三尊天

ná mó san shi san zūn tiān

Nam mô Diệm La Tôn Thiên

南無閻羅尊天

ná mó yán luó zūn tiān

Nam mô Ta Kiệt La Long Vương Tôn Thiên

南無沙竭羅龍王尊天

ná mó shā jié luó long wáng zūn tiān

Nam mô Khẩn Na La Vương Tôn Thiên

南無緊那羅王尊天

ná mó jǐn nà luó wáng zūn tiān

Nam mô Quang Minh Hội Thượng Hộ Pháp Chư Thiên

南無光明會上護法諸天

ná mó jīn guāng míng huì shàng hù fǎ zhū tiān

Viên Mãn Phụng Tiên Thánh

圓 满 奉 送 聖 (鼓聲大振)

Phật từ quang đại Cảm ứng vô sai

佛 慈 廣 大 , 感 應 無 差 ,

fó cí guǎng dà gǎn yìng wú chà

Tịch quang tam muội biển hè sa

寂 光 三 昧 偏 河 沙

Jì guāng sān mèi piān hé shā

Nguyễn bất ly già gia

願 不 離 伽 耶。

yuan bù lí jiā yé

Giáng phước trai gia Kim địa dũng liên hoa

降 福 齋 家。 金 地 洃 莲 花。

jiàng fú zhāi jiā jīn dì yǒng lián huā

Nam mô Đặng Vân Lộ Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lạy)

南 無 登 雲 路 菩 薩 摩 訶 薩 (三 拜)

ná mó dēng yún lù pú sà mó hē sà

Hồi Hướng

迴 向

Trai Thiên công đức thù thắng hạnh.

齋 天 功 德 殊 勝 行 ,

zhai tian gōng dé shū shèng xíng,

Vô biên thắng phước giải hồi hướng

無 邊 勝 福 皆 迴 向。

wú biān shèng fú jiē jiǒng xiàng.

Phổ nguyện pháp giới chư chúng-sanh

普 願 沉 濁 諸 眾 生 ,

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

速 往 無 量 光 佛 刹。

sù wǎng wú liàng guāng fó shā

Thập phương tam thế nhất thiết Phật

Nhất thiết Bồ Tát Ma ha tát

十 方 三 世 一 切 佛 , 一 切 菩 薩 摩 訶 薩。

shí fāng sān shì yī qiè fó yī qiè pú sà mó hē sà

Ma ha bát nhã ba la mật

摩 訶 般 若 波 羅 蜜。

mó hē bō rě bō luó mì

Tam Quy Y

三 皈 依

Tự quy y Phật, nên nguyện chúng sanh,

自 皈 依 佛 , 當 諸 署 生 ,

zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng

Thể giải đại đạo, phát tâm vô thượng.

體 解 大 道 , 發 無 上 心。

tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

Tự quy y pháp, nên nguyện chúng sanh,

自 皈 依 法 , 當 諸 署 生 ,

zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng

Hiểu rõ kinh tượng, trí huệ như biển.

深 入 經 藏 , 智 慧 如 海。

shēn rù jīng cáng zhì huì rú hǎi

Tự quy y Tăng, nên nguyện chúng sanh,

自 皈 依 僧 , 當 諸 署 生 ,

zì guī yī sēng dāng yuàn zhòng shēng

Thống lý đại chúng, tất cả không ngại.

統 理 大 署 , 一 切 無 犹。

tǒng lǐ dà zhòng yī qiè wú ài

Hòa nam Thánh chúng.

和 南 聖 粉。

hé nán sheng zhòng

(金光明懺齋天儀規圓滿)
Phật Thuyết Kinh Vu Lan Bồn

佛 說 孟 蘭 盆 經

Nam Mô Vu Lan Bồn Hội Phật Bồ Tát (3 lần)

南 無 孟 蘭 盆 會 佛 菩 薩 (3 稱)

ná mo yú lán pén huì fo pú sà

Tôi nghe như vậy, một thuở nọ Đức Phật trú tại khu vườn Kỳ-đà Cấp cô độc.

如 是 我 聞。一 時 佛 在 舍 衛 國 祇 樹 紿 孤 獨
rú shì wǒ wén. yī shí fo zài shě wèi guó qí shù jí gū dù

Bấy giờ Trưởng giả Đại Mục-kiền-liên mới chứng đắc sáu thứ Thần thông, muốn cứu độ cha mẹ để báo ân đức sâu dày dưỡng dục,

園。大 目 緣 連 始 得 六 通 , 欲 度 父 母 , 報 乳
yuán. dà mù jiān lián shǐ dé liù tōng, yù dù fù mǔ, bào rǔ

bèn dùng Đạo nhẫn quán sát khắp thế giới, thấy người mẹ đã qua đời của mình

哺 之 恩。即 以 道 眼 觀 視 世 間 , 見 其 亡 母 生
bǔ zhī ēn. jí yǐ dào yǎn guān shì shì jiān, jiàn qí wáng mǔ sheng

bị đọa trong loài ngạ quỷ, không được uống ăn nên thân hình chỉ còn da bọc lấy xương. Tôn giả Mục-liên thấy vậy vô cùng xót thương, buồn bã,

餓鬼中，不見飲食，皮骨連立。目連悲哀，
è guǐ zhōng, bù jiàn yǐn shí, pí gǔ lián lì. mù lián bēi āi,

liền lấy bát đựng đầy cơm và vận dụng Thần thông đem hiến dâng cho mẹ. Bà mẹ vừa nhận được bát cơm,

即以鉢盛飯，往餉其母，母得鉢飯，即以
jí yǐ bō chéng fàn, wǎng xiǎng qí mǔ, mǔ dé bō fàn, jí yǐ

liền dùng tay trái che đậm, tay phải bốc ăn, cơm chưa vào miệng đã hóa thành than hồng nên không thể ăn được.

左手障鉢，右手搏食，食未入口，化成火
zuǒ shǒu zhàng bō, yòu shǒu bó shí, shí wèi rù kǒu, huà chéng huǒ
Tôn giả Mục-liên lớn tiếng khóc trở về bạch Phật, thuật lại đầy đủ mọi sự việc như vậy.

炭，遂不得食。目連大叫，悲號涕泣，馳還
tàn, suì bù dé shí. mù lián dà jiào, bēi háo tì qì, chí huan

白佛，具陳如此。

bái fo, jù chén rú cǐ.

Đức Phật bảo: "Mục-liên! Thân mẫu của ông tội chướng sâu dày, không phải nǎng lực một mình ông có thể cứu được.

佛言：'汝母罪根深結，非汝一人力所奈
fo yán: 'rǔ mǔ zuì gēn shēn jié, fēi rǔ yī rén lì suǒ nài

Tuy lòng hiếu thảo của ông vang động trời đất, nhưng những Thiên thần, địa kỵ,

何。汝雖孝順，聲動天地、天神地祇、邪魔
hé. fǔ suī xiào shùn, shēng dòng tiān dì, tiān shén de qí, xié mó

tà ma ngoại đạo, đạo sĩ và bốn vị Thiên vương cũng không thể làm gì được.

外 道、道 士 四 天 王 神，亦 不 能 奈 何。當 須
wài dào, dào shi sì tiān wáng shén, yì bù néng nài hé. dāng xū

Nay ông phải nhờ vào oai lực của Tăng chúng ở mười phương thì mới có thể siêu thoát được. Nay ta chỉ dạy cho ông phương pháp cứu tế để cho tất cả những kẻ khổ nạn cũng được siêu thoát.

十 方 眾 僧 威 神 之 力 乃 得 解 脫。吾 今 當 說
shí fang zhòng sēng wēi shén zhī lì nǎi dé jiě tuō. wú jīn dāng shuō

救 濟 之 法，令 一 切 難 皆 離 憂 苦。'

jiù jì zhī fǎ, lìng yī qiè nán jiē lí yōu kǔ.'

Này Mục-liên! Ngày rằm tháng bảy là ngày Tự tú của mười phương Tăng chúng,

佛 告 目 連：'十 方 眾 生，七 月 十 五 日，僧
fo gào mù lián: 'shí fang zhòng shēng, qī yuè shí wǔ rì, sēng

nên vì cha mẹ bảy đời, cha mẹ hiện tại, những người đang ở trong vòng khổ nạn luân hồi,

自 恣 時，當 為 七 世 父 母 及 現 在 父 母 厄
nàn

zì zì shí, dāng wèi qī shì fù mǔ jí xiàn zài fù mǔ è

khổ nạn,

中 者，具 飯、百 味 五 果、汲 灌 盆 器、香 油
dɪn

zhōng zhě, jù fàn, bǎi wèi wǔ guǒ, jí guàn pén qì, xiāng yóu ding

giường chõng, đồ nằm đầy đủ, đều là loại tươi ngon, tốt đẹp ở đời để
dâng cúng

燭、床 敷 臥 具、盡 世 甘 美 以 著 盆 中，供
養

zhú, chuáng fū wò jù, jǐn shì gān měi yǐ zhe pén zhōng, gong yang

đại đức chúng Tăng ở khắp mười phương. Chính trong ngày này, các vị
Hiền thánh tăng

十 方 大 德 粒 僧。當 此 之 日，一 切 聖 粒，
或

shí fang dà dé zhòng sēng. dāng cǐ zhī rì, yī qiè shèng zhòng, huò

hoặc tu thiền định; hoặc thường đi kinh hành ở dưới gốc cây lớn;

在 山 間 禪 定、或 得 四 道 果、或 在 樹 下 經
zài shān jiān chán dìng, huò dé sì dào guǒ, huò zài shù xià jīng

hoặc là hành Thanh văn, Duyên giác đầy đủ sáu Thần thông, giáo hóa tự
tại. Hoặc những vị Bồ-tát, Đại sĩ đã lên Địa thứ mười,

行、或 六 通 自 在 教 化 聲 聞 緣 覺、或 十 地
xíng, huò liù tōng zì zài jiào huà shēng wén yuán jué, huò shí dì

mà lại phương tiện hiện tướng Tỳ-kheo. Tất cả đều quy tụ trong hàng
chúng Tăng, đồng đẳng nhất tâm

菩 薩 大 人，權 現 比 丘，在 大 粒 中，皆 同

—

pú sà dà rén, quán xiàn bì qiū, zài dà zhòng zhōng, jiē tóng yī

mà thọ Tự tú. Vì giới pháp thanh tịnh đầy đủ, nên đạo đức của Tăng
chúng sâu rộng mênh mông.

心，受鉢和羅飯，具清淨戒，聖眾之道，
其

xīn, shòu bō hé luó fàn, jù qīng jìng jiè, shèng zhòng zhī dào, qí

Nếu có người đang cúng chúng Tăng Tự tú như vậy thì tất cả cha mẹ
trong đời hiện tại,

德汪洋。其有供養此等自恣僧者，現世
dé wāng yáng. qí yǒu gong yǎng cǐ děng zì zì sēng zhě, xiàn shì

bà con quyền thuộc đã quá vãng sẽ được siêu sinh trong ba đường khổ
liền được đầy đủ áo cơm.

父母、六親眷屬，得出三塗之苦應時解
fù mǔ, liù qīn juàn shù, dé chū sān tú zhī kǔ yìng shí jiě

Nếu cha mẹ còn sống thì được hưởng phước lạc sống lâu trăm tuổi,

脫，衣食自然；若父母現在者，福樂百
tuō, yī shí zì rán; ruò fù mǔ xiàn zài zhě, fú lè bǎi

còn cha mẹ quá khứ bảy đời thì được sinh lên cõi trời Tự tại hóa sinh ở
trong cõi trời, hoa lệ chóisáng, hưởng vô lượng phước lạc."

年；若七世父母生天，自在化生，入天
華

nián; ruò qī shì fù mǔ shēng tiān, zì zài huà shēng, rù tiān huá
光。'

guāng.'

Bấy giờ, Phật bảo chúng Tăng ở mười phương trước tiên phải chú
nguyên,

時佛敕十方眾僧，皆先為施主家咒

Shí fo chì shí fang zhòng sēng, jiē xiān wèi shī zhǔ jiā zhòu
 nguyện cha mẹ bảy đời của tín thí rồi sau mới thọ thực. Lại nữa, trước án
 bàn thờ Phật sắp đặt mọi thứ; tại nơi Tăng chúng hoặc ở trong chùa tháp
 cũng vậy, chúng Tăng đều phải chú nguyện trước sau rồi mới thọ thực.
 願，願七世父母行禪定意，然後受食。

初

yuàn, yuàn qī shì fù mǔ xíng chán dìng yì, rán hòu shòu shí. Chū

受食時，先安在佛前，塔寺中佛前，眾僧

shòu shí shí, xiān ān zài fú qián, tǎ sìzhōng fú qián, zhòng sēng
 咒願竟，便自受食。

zhòu yuàn jìng, biàn zì shòu shí.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên cùng với chư vị Đại sĩ, Bồ-tát đều rất hoan
 hỷ, tiếng than khóc bi thương của ngài Mục-kiền-liên cũng tan biến.

時目連比丘及大菩薩眾皆大歡喜，
 目

Shí mù lián bǐ qiū jí dà pú sà zhòng jiē dà huān xǐ, mù
 連悲啼泣聲釋然除滅。
 lián bēi tí qì shēng shì rán chū miè.

Thân mẫu của ngài cũng trong ngày ấy được thoát khổ trong loài
 ngạ quỷ.

時目連母即於是日，得脫一劫餓鬼
 Shí mù lián mǔ jí yú shì rì, dé tuō yī jié è guǐ

之 苦。

zhī kǔ.

Khi ấy ngài Mục-kiền-liên lại bạch: “Bạch Thế Tôn! Thân mẫu của con đã được siêu thoát, đó là nhờ năng lực công đức Tam bảo,

目 連 复 白 佛 言 : '弟 子 所 生 母 , 得 蒙

三

mù lián fù bái fo yán: 'dì zǐ suǒ sheng mǔ, dé méng sān
trong đó cũng có uy lực của Tăng chúng. Nếu đời vị lai, tất cả đệ tử Đức
Phật

寶 功 德 之 力 , 署 僧 威 神 力 故。若 未 來
世 ,

bǎo gōng dé zhī lì, zhòng sēng wēi shén lì gù. ruò wèi lái shì,
muốn hiểu thuận phụng dưỡng cha mẹ thì kinh Vu-lan-bồn này có thể cứu
一 切 佛 弟 子 , 亦 應 奉 孟 蘭 盆 , 救 度 現 在
yī qiè fo dì zǐ, yì yīng fèng yú lán pén, jiù dù xiàn zài
độ cha mẹ hiện tại cho đến cha mẹ bảy đời chăng? ”

父 母 , 乃 至 七 世 父 母 , 可 為 爾 否 ? '

fù mǔ, nǎi zhì qī shì fù mǔ, kě wéi ēr fǒu?'

Đức Phật nói: “Này Mục-kiền-liên! Rất hay. Điều mà Như Lai muốn
nói Tôn giả đã hỏi.

佛 言 : '大 善 快 問 ! 我 正 欲 說 , 汝 今 復

Fo yán: 'Dà shàn kuà i wèn! Wǒ zhèng yù shuō, rǔ jīn fù

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, quốc vương, vương tử, đại
thần,

問。善男子！若比丘比丘尼、國王太子、
大

wèn. shàn nán zǐ! ruò bì qīū bì qīū ní, guó wáng tài zǐ, dà
tể tướng, tam công, bách quan cùng cả thảy dân chúng muốn thực hành
đức từ hiếu,

臣宰相、三公百官、萬民庶人，行慈孝
chén zǎi xiàng, sān gōng bǎi guān, wàn mǐn shù rén, xíng cí xiào
trước nên vì cha mẹ hiện tiền, kế đó cha mẹ bảy đời trong quá khứ là
者，皆應先為所生現在父母、過去七世
zhě, jiē yīng xiān wéi suǒ shēng xiàn zài fù mǔ, guò qù qī shì
cứ đến rằm tháng bảy, ngày chư Phật hoan hỷ, ngày chư Tăng Tự tú,
父 母，於 七 月 十 五 日，佛 歡 喜 日，僧 自
恣

fù mǔ, yú qī yuè shí wǔ rì, fo huān xǐ rì, sēng zì zì
nên sắp đặt đủ thứ các loại trái cây, thức ăn, nước uống vào bồn Vu-lan
để dâng cúng chư Tăng ở mười phương.

日，以百味飯食，安盂蘭盆中，施十方
自

rì, yǐ bǎi wèi fàn shí, ān yú lán pén zhōng, shī shí fang zì

Ngày chư Tăng Tự tú cầu nguyện cha mẹ hiện còn, sống lâu trăm tuổi,
không bệnh tật.

恣僧，願使現在父母，壽命百年無病、
無

zì sēng, yuàn shǐ xiàn zài fù mǔ, shòu mìng bǎi nián wú bìng, wú

Cha mẹ trong bảy đời quá khứ thoát khỏi khổ đau trong loài ngạ quỷ,

一 切 苦 懊 之 患 , 乃 至 七 世 父 母 離 惡 鬼

yī qiè kǔ nǎo zhī huàn, nǎi zhì qī shì fù mǔ lí è guǐ

được sinh trong cõi trời, người phước lạc an vui. Thiện nam, thiện nữ là đệ tử của Đức Như Lai phải nên

苦 , 生 人 天 中 , 福 樂 無 極。是 佛 弟 子 修
孝

kǔ, sheng rén tiān zhōng, fú lè wú jí. shì fo dì zǐ xiū xiào

thực hành chữ hiếu, trong mỗi niệm thường thương tưởng đến cha mẹ hiện tại, cho đến cha mẹ bảy đời trong quá khứ.

順 者 , 應 念 念 中 , 常 憶 父 母 , 乃 至 七 世
父

Shun zhě, yīng niàn niàn zhōng, cháng yì fù mǔ, nǎi zhì qī shì fù

Hằng năm đến ngày rằm tháng bảy, đem lòng từ hiếu thương tưởng song thân hiện tiền,

母。年 年 七 月 十 五 日 , 常 以 孝 慈 , 憶 所
生

mǔ. nián nián qī yuè shí wǔ rì, cháng yǐ xiào cí, yì suǒ sheng

cha mẹ bảy đời quá khứ, sắm sửa bồn Vu-lan, hiến cúng Phật-đà, dâng cúng chúng Tăng để đèn đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

父 母 , 為 作 孟 蘭 盆 , 施 佛 及 僧 , 以 報 父
母

fù mǔ, wèi zuò yú lán pén, shī fo jí sēng, yǐ bào fù mǔ

Nếu là đệ tử của Đức Phật thì phải tuân giữ những điều trên đây.

長養慈愛之恩。若一切佛弟子，應常奉
zhǎng yǎng cí ài zhī ēn. ruò yī qìè fo dì zǐ, yīng cháng fèng
持是法。'
chí shì fǎ.'

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với bốn chúng đệ tử nghe
Phật giảng dạy đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

時目連比丘、四輩弟子，歡喜奉行。
Shí mù lián bǐ qiū, sì bèi dì zǐ, huān xǐ fèng xíng.

Phật Thuyết Kinh Vu Lan Bồn

佛說盂蘭盆經

BÁO PHỤ MÃU CHÂN NGÔN
報父母恩真言

南無密栗多，哆婆曳，莎诃。

(nā mó mì lì duō , duō pó yì , suō hē).

The Buddha Speaks the Ullambana Sutra

NA MO HOMAGE TO THE ULLAMBANA ASSEMBLY OF
BUDDHAS AND BODHISATTVAS (recite 3 times)

Thus I have heard, at one time, the Buddha dwelt at Shravasti in the Garden of the Benefactor of Orphans and the Solitary. Mahamaudgalyayana had just obtained the six penetrations and wished to cross over his father and mother to repay their kindness for raising him. Thus, using his Way Eye, he regarded

the world and saw that his deceased mother had been born among the hungry ghosts. Having neither food nor drink, she was but skin and bones.

Mahamaudgalyayana felt deep pity and sadness, filled a bowl with food, and went to provide for his mother. She got the bowl, screened it with her left hand, and with her right hand made a fist of food. But before it entered her mouth, it turned into burning coals which could not be eaten. Mahamaudgalyayana called out and wept sorrowfully, and hastened to return to the Buddha to set forth all of this.

The Buddha said, "Your mother's offenses are deep and firmly rooted. You alone do not have enough power. Although your filial sounds move heaven and earth, the heaven spirits, the earth spirits, twisted demons, and those outside the way, Brahmans, and the Four Heavenly King Gods are also without sufficient strength. The awesome spiritual power of the assembled Sangha of the ten directions is necessary for liberation to be attained. I shall now speak a Dharma of rescue which causes all those in difficulty to leave worry and suffering, and to eradicate obstacles from offenses.

"The Buddha told Maudgalyayana, "The fifteenth day of the seventh month is the Pravarana Day for the assembled Sangha of the ten directions. For the sake of fathers and mothers of seven generations past, as well as for fathers and mothers of the present who are in distress, you should prepare an offering of clean basins full of hundreds of flavors and the five fruits, and other offerings of incense, oil, lamps, candles, beds, and bedding, all the best of the world, to the greatly virtuous assembled Sangha of the ten directions.

"On that day, all the holy assembly, whether in the mountains practicing dhyana samadhi, or obtaining the four fruits of the Way, or walking beneath trees, or using the independence of the six penetrations to teach and transform Sound Hearers and Those Enlightened to Conditions, or provisionally manifesting as

Bhikshus when in fact they are Great Bodhisattvas on the Tenth Ground--all complete with pure precepts and ocean-like virtue of the holy Way--should gather in a great assembly and all of like mind receive the Pravarana food.

"If one thus makes offerings to these Pravarana Sanghans, one's present father and mother, parents of seven generations past, as well as the six kinds of close relatives will escape from the three paths of suffering, and at that time attain release. Their clothing and food will spontaneously appear. If the parents are still alive, they will have wealth and blessings for a hundred years. Parents of seven generations past will be born in the heavens. Transformationally born, they will independently enter the celestial flower light, and experience limitless bliss."

At that time the Buddha commanded the assembled Sangha of the ten directions to recite mantras and vows for the sake of the donor's family, for parents of seven generations. After practicing dhyana concentration, the Sangha accepted the food. When they first received the basin, they placed it before the Buddha in the stupa. When the assembled Sangha had finished the mantras and vows they received the food.

At that time the Bhikshu Maudgalyayana and the assembly of Great Bodhisattvas were all extremely delighted and the sorrowful sound of Maudgalyayana's crying ceased. At that time Maudgalyayana's mother obtained liberation from one kalpa of suffering as a hungry ghost. Maudgalyayana addressed the Buddha and said, "This disciple's parents have received the power of the merit and virtue of the Triple Jewel, because of the awesome spiritual power of the assembled Sangha. If in the future the Buddha's disciples practice filiality by offerings up the Ullambana basins, will they be able to cross over their present fathers and mothers as well as those of seven generations past?"

The Buddha replied "Good indeed! I am happy you asked that question. I just wanted to speak about that and now you have

also asked about it. Good man, if Bhikshus, Bhikshunis, kings, crown princes, great ministers, great officials, cabinet members, the hundred ministers, and the tens of thousands of citizens wish to practice compassionate filial conduct, for the sake of the parents who bore them, as well as for the sake of fathers and mothers of seven lives past, on the fifteenth day of the seventh month, the day of the Buddha's Delight, the day of the Sangha's Pravarana, they all should place hundreds of flavors of foods in the Ullambana basins, and offer them to the Pravarana Sangha of the ten directions. They should vow to cause the length of their present fathers' and mothers' lives to reach a hundred years without illnesses, without sufferings, afflictions, or worries, and also vow to cause seven generations of fathers and mothers to leave the sufferings of the hungry ghosts, to be born among humans and gods, and to have blessings and bliss without limit."

The Buddha told all the good men and good women, "Those disciples of the Buddha who cultivate filial conduct should in thought after thought, constantly recall their present fathers and mothers when making offerings, as well as the fathers and mothers of seven lives past, and for their sakes perform the offering of the Ullambana basin to the Buddha and the Sangha and thus repay the loving kindness of the parents who raised and nourished them."

At that time the Bhikshu Maudgalyayana and the four-fold assembly of disciples, hearing what the Buddha said, practiced it with delight.

End of the Buddha Speaks the Ullambana Sutra.

TRUE WORDS FOR REPAYING PARENTS' KINDNESS

Na mwo mi li dwo dwo pe ye swo he

UNIVERSAL BOWING

普佛

Phổ Báí

HOMAGE TO OUR ORIGINAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA

(bow 3 times)

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3x)

南無本師釋迦牟尼佛 (3拜)

na mo běn shī shì jiā móu ní fo

HOMAGE TO MANJUSHRI BODHISATTVA (bow 3 times)

Nam mô Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát

南無文殊師利菩薩 (3拜)

na mo wen shu shr li pu sa

HOMAGE TO UNIVERSAL WORTHY BODHISATTVA (bow 3 times)

Nam mô Phổ Hiền Bồ Tát (3x)

南無普賢菩薩 (3拜)

na mo pu syan pu sa

HOMAGE TO THE BODHISATTVA WHO OBSERVES THE WORLD'S
SOUNDS (bow 3 times)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (3x)

南無觀世音菩薩 (3拜)

na mo guan shi yin pu sa

HOMAGE TO EARTH STORE BODHISATTVA (bow 12 times)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (12x)

南無地藏王菩薩 (12拜)

na mo di zhang wang pu sa

HOMAGE TO THE ULLAMBANA ASSEMBLY OF BUDDHAS AND
BODHISATTVAS (bow 3 times)

Nam mô Vu Lan Hội Thượng Phật Bồ Tát (3x)

南 無 盂 蘭 會 上 佛 菩 薩 (3 拜)

na mo yu lan hui shang fo pu sa

THREE REFUGES

Tam Quy Y

三皈一

TO THE BUDDHA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS

Tự quy y Phật, nên nguyện chúng sanh,

自皈依佛，當願眾生，

zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng

UNDERSTAND THE GREAT WAY PROFOUNDLY, AND BRING FOR THE BODHI MIND.

Thể giải đại đạo, phát tâm vô thượng.

體解大道，發無上心。

tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

TO THE DHARMA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS

Tự quy y pháp, nên nguyện chúng sanh,

自皈依法，當願眾生，

zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng

DEEPLY ENTER THE SUTRA TREASURY AND HAVE WISDOM LIKE THE SEA.

Hiểu rõ kinh tượng, trí huệ như biển.

深入經藏，智慧如海。

shēn rù jīng cáng zhì huì rú hǎi

TO THE SANGHA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS

Tự quy y Tăng, nên nguyện chúng sanh,

自皈依僧，當願眾生，

zì guī yī sēng dāng yuàn zhòng shēng

FORM TOGETHER A GREAT ASSEMBLY, ONE AND ALL IN HARMONY.

Thống lý đại chúng, tất cả không ngại.

統理大眾，一切無礙。

tǒng lǐ dà zhòng yī qiè wú ài

Hòa nam Thành chúng.

和 南 聖 粉。

hé nán sheng zhòng

TRANSFERRING THE MERIT

Hồi Hướng

迴 向

I DEDICATE THE MERIT AND VIRTUE FROM THE PROFOUND ACT OF DHARMA ASSEMBLY.

Pháp hội công đức thù thắng hạnh. Vô biên thắng phước giai hồi hướng

法 會 功 德 殊 勝 行 ,

fa hui gōng dé shū shèng xíng,

無 邊 勝 福 皆 回 向。

wú biān shèng fú jiē jiōng xiàng.

WITH ALL ITS SUPERIOR, LIMITLESS BLESSINGS, WITH THE UNIVERSAL VOW THAT ALL BEINGS SUNK IN DEFILEMENT,

Phổ nguyện pháp giới chư chúng-sanh

普 願 沉 濁 諸 粉 生 ,

pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

速 往 無 量 光 佛 剎。

sù wǎng wú liàng guāng fó shā

WILL QUICKLY GO TO THE LAND OF THE BUDDHA OF LIMITLESS LIGHT (AMITABHA).
ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF TIME.

Thập phương tam thế nhất thiết Phật

十 方 三 世 一 切 佛 ,

shí fāng sān shì yī qiè fó

Nhất thiết Bồ Tát Ma ha tát

一 切 菩 薩 摩 訶 薩。

yī qiè pú sà mó hé sà

ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS. MAHA PRAJNA PARAMITA!

Ma ha bát nhã ba la mật

摩 訶 般 若 波 羅 密。

mó hé bō rě bō luó mì

